

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2022/HNGĐ - ST
Ngày: 18/01/2022.
Về việc: Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K, TỈNH NINH BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Khanh.

- Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Gia Khánh.

Bà Trần Thị Lệ Dung.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Thu Hà, là thư ký Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Doan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 01 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 151/2021/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2021/QĐXXST- DS ngày 03 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2021/ QĐST – HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Đinh Thị S – sinh năm 1985.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

- **Bị đơn:** Anh Phạm Văn H – sinh năm 1981;

Nơi ĐKKHKT: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Hiện tạm trú tại: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình; vắng mặt

Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt, anh H vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là chị Đinh Thị S trình bày: Chị và anh Phạm Văn H có đăng ký kết hôn với nhau lần một vào năm 2006. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn và năm 2017 chị đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh H. Quá trình giải quyết vụ án anh chị đã thuận tình ly hôn theo quyết định Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của cả đương sự số 77/2017/QĐST – HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình. Năm 2018 được sự động viên của hai bên gia đình cũng như thương các con còn nhỏ chị và anh H đã tái hôn, có làm thủ tục đăng ký kết hôn lại lần 2 vào ngày 18 tháng 5 năm 2018 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Sau khi kết

hôn lại anh chị về chung sống cùng nhau và hạnh phúc một thời gian ngắn thì mâu thuẫn lại phát sinh. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, anh H không sửa chữa khuyết điểm mà quay lại thói xấu chơi bời như trước và không tu trí làm ăn. Khi chị khuyên nhủ nhiều lần thì anh H không thay đổi mà còn kiêu có chửi bới, xúc phạm chị và dọa nạt đánh vợ con cũng như đập phá tài sản trong gia đình. Sự việc xảy ra kéo dài nhiều năm không thể giải quyết được còn nặng nề hơn. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh chị không thể tiếp tục chung sống cùng nhau được, nếu cứ kéo dài tình trạng vợ chồng mâu thuẫn sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của chị và các con của anh chị. Nay chị có đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Chị và anh H có hai con chung cháu Phạm Thị T sinh ngày 01/08/2007 và cháu Phạm Đình Nhật M sinh ngày 07/12/2015 hiện các cháu lúc ở với mẹ lúc ở với bố. Nay ly hôn chị đề nghị Tòa án giao cháu Phạm Thị T cho chị tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Đình Nhật M cho anh H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung và công nợ: Chị và anh H không có tài sản chung và công nợ do vậy nay ly hôn chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Tại biên bản sự việc ngày 28 tháng 10 năm 2021 làm việc với anh Phạm Văn H trình bày: Anh và chị S là vợ chồng hợp pháp, quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng theo anh đó chỉ là những mâu thuẫn nhỏ nhất như bao gia đình khác, chưa đến mức phải ly hôn. Anh mong muốn chị S suy nghĩ lại để vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, vì hiện nay các con cũng đã lớn và anh không muốn làm ảnh hưởng đến các con. Trường hợp chị S vẫn cương quyết ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, anh không có ý kiến gì.

Về con chung: Anh chị có hai con chung cháu Phạm Thị T sinh ngày 01/08/2007 và cháu Phạm Đình Nhật M sinh ngày 07/12/2015. Nếu chị S cương quyết xin ly hôn thì anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Phạm Đình Nhật M và giao cháu Phạm Thị T cho chị S chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Anh xác định anh chị không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Con chung của anh chị là cháu Phạm Thị T, sinh ngày 01/08/2007 thuộc trường hợp phải lấy ý kiến, tại bản tự khai ngày 11/10/2021 cháu T trình bày nguyện vọng mong muốn được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K, tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

1. Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 144 khoản 4 Điều 147 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đinh Thị S ly hôn anh Phạm Văn H.
- Về con chung: Giao cháu Phạm Thị T sinh ngày 01/08/2007 cho chị Đinh Thị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Giao cháu Phạm Đình Nhật M sinh ngày 07/12/2015 cho anh Phạm Văn H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.
- Án phí: Chị Đinh Thị S nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Đinh Thị S có đơn khởi kiện về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” với anh Phạm Văn H, anh H có nơi cư trú tại: Xóm 4, xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện Kim Sơn thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1, Điều 35; khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là anh Phạm Văn H, anh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 mà vẫn vắng mặt không có lý do. Chị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy để đảm bảo quyền lợi của các đương sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị S và anh Phạm Văn H có đăng ký kết hôn lần 1 vào năm 2006 thời gian sau vợ chồng anh chị chung sống phát sinh mâu thuẫn đồng thời đã làm các thủ tục thuận tình ly hôn. Ngày 18 tháng 5 năm 2018 anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn lại lần 2 tại UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị S và anh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Sau khi kết hôn lại anh chị về chung sống cùng nhau nhưng chỉ một thời gian ngắn thì lập lại việc mâu thuẫn và ngày càng nặng nề hơn, cả hai đều không có biện pháp nào hàn gắn tình cảm vợ chồng. Thực tế thì anh chị đã một lần ly hôn, sau khi tái hôn anh chị vẫn không khắc phục được mâu thuẫn xảy ra từ thời gian trước đó, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án tạo điều kiện cho các bên hòa giải bằng hình thức triệu tập các đương sự lên tham gia hòa giải nhưng anh H không lên làm việc thể hiện thái độ bỏ mặc, dẫn đến Tòa án đã không thể tiến hành các thủ tục hòa giải được vụ án, các bên đương sự cũng không có biện pháp cụ thể hàn gắn hạnh phúc gia đình.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã K: Anh H và chị S có đăng ký kết hôn lần 1 vào năm 2006 tại UBND xã K, do cuộc sống vợ chồng anh chị có mâu thuẫn nên năm 2017 chị S có làm đơn khởi kiện xin ly hôn anh H, Tòa án nhân dân huyện K đã ra quyết định thuận tình ly hôn giữa anh H và chị S. Năm 2018 anh H và chị S đã làm thủ tục đăng ký kết hôn lại tại UBND xã K. Sau khi kết hôn được thời gian ngắn thì anh chị về xã K làm ăn sinh sống. Về phía chính quyền địa phương xã K không nắm được việc mâu thuẫn vợ chồng giữa anh H và chị S. Nay chị S có đơn xin ly hôn anh H đề nghị Tòa án căn cứ vào các quy định của pháp luật để giải quyết.

Căn cứ vào biên bản xác minh tại UBND xã K thể hiện: Anh H và chị S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại UBND xã K, từ năm 2018 đến nay anh chị về cư trú, làm ăn sinh sống tại xóm 4, xã K. Quá trình chung sống tại địa phương anh chị có mâu thuẫn hay không thì chính quyền địa phương không nắm được do chưa nhận được đơn thư của cả chị S và anh H. Tuy nhiên qua theo dõi ý kiến của dư luận quần chúng thì anh H và chị S có mâu thuẫn nguyên nhân do anh H không chịu khó làm ăn nên vợ chồng có cãi chửi nhau. Nay chị S có đơn xin ly hôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của các bên đương sự. .

Từ những tài liệu, chứng cứ nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy: Cuộc sống hôn nhân của chị S và anh H có nhiều mâu thuẫn trong một thời gian dài. Mâu thuẫn không thể khắc phục được và hiện nay không còn quan tâm đến nhau nữa. Tình trạng hôn nhân đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Chị S và anh H có hai con chung Phạm Thị T sinh ngày 01/08/2007 và cháu Phạm Đình Nhật M sinh ngày 07/12/2015. Các cháu lúc ở với bố, lúc ở với mẹ. Ý kiến của các bên đương sự trong trường hợp vợ chồng ly hôn thì chị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Thị T và anh H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phạm Đình Nhật M. Hai bên không có nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con và có quyền thăm nom con chung. Xét thấy quan điểm ý kiến của các đương sự về vấn đề giao con sau khi ly hôn của chị S và anh H là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với nguyện vọng của cháu T cũng như phù hợp với điều kiện nuôi dưỡng con sau khi ly hôn của các bên đương sự. Căn cứ vào điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình nay Hội đồng xét xử nhận thấy cần giao cháu Phạm Thị T cho chị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng và giao cháu Phạm Đình Nhật M cho anh H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng đối với con chung và có quyền đi lại thăm nom con chung.

[4] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị S và anh H không có tài sản chung và công nợ chung. Khi ly hôn anh chị không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 144. Khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Đinh Thị S phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị Đinh Thị S và anh Phạm Văn H được ly hôn.

2/ Về con chung: Giao cháu Phạm Đình Nhật M sinh ngày 07/12/2015 cho anh Phạm Văn H tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Thị T sinh ngày

01/08/2007 cho chị Đinh Thị S tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng kể từ khi vợ chồng ly hôn cho đến khi con chung thành niên đủ 18 tuổi và tự lập được cuộc sống. Hai bên không phải cấp dưỡng đối với con và có quyền đi lại thăm nom con chung. Không bên nào được ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

3/ Về án phí: Chị Đinh Thị S phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0004421 ngày 06 tháng 10 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được THADS, người phải THADS có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình.
- VKSND huyện K.
- Chi cục THA dân sự huyện K.
- UBND xã K, huyện K, tỉnh Ninh Bình.
- Dương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)
Trần Thị Khanh**